

Bản án số: 210/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2026
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Cẩm Tú
- Ông Phan Công Rô

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 222/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986 (có mặt);

2. **Bị đơn:** Anh Trương Quang C, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1978 vắng mặt);

Tên gọi khác: T.

Cùng địa chỉ: E Biên A, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Trương Quang C chung sống với nhau vào ngày 02 tháng 3 năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh

Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 57, quyển số: 01 ngày 02 tháng 3 năm 2005. Thời gian chung sống, chị và anh Trương Quang có 02 người con chung tên: Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007, hiện nay các con đã thành niên; về tài sản chung và nợ, chị và anh Trương Quang C không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống, chị và anh Trương Quang C sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về vấn đề sinh hoạt gia đình, anh Trương Quang C nhiều lần nói chuyện xúc phạm chị, từ đó chị và anh Trương Quang C đã sống ly thân tháng 02 năm 2026 cho đến nay. Về quan hệ hôn nhân, chị thấy chị và anh Trương Quang C không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quang C; Về quan hệ con chung hiện nay 02 người con chung tên: Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết Về tài sản chung và nợ chị và anh Trương Quang C không có tài sản chung không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Quang C (T) trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Huỳnh Thị N trình bày trên là đúng. Anh và chị Huỳnh Thị N chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 57, quyển số: 01 ngày 02 tháng 3 năm 2005, anh và chị Huỳnh Thị N chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 4 năm 2026 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và Huỳnh Thị N cự cãi qua lại về vấn đề sinh hoạt trong gia đình, anh và Huỳnh Thị N đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh và Huỳnh Thị N vẫn sống chung một nhà cho đến nay. Trong thời gian chung sống, anh và Huỳnh Thị N có 02 người con chung tên: Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007, hiện nay các con đã thành niên; về tài sản chung và nợ, anh và chị Huỳnh Thị N không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Nay về quan hệ hôn nhân, anh thấy anh và chị Huỳnh Thị N không có mâu thuẫn gì lớn, anh không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị N, trường hợp chị Huỳnh Thị N cương quyết ly hôn với anh thì về con chung hiện nay các con chung tên: Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh

ngày 04 tháng 11 năm 2007, đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ anh và chị Huỳnh Thị N không có tài sản chung, không có nợ người khác người khác không nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Huỳnh Thị N và căn tên Trương Quang C (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn Huỳnh Thị N và Trương Quang C số: 57 ngày 02 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Bản chính); 02 Giấy khai sinh Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007 (Bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú số: 000155/XN ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Công an xã Đ, tỉnh An Giang (Bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 04 tháng 3 năm 2026 của chị Huỳnh Thị N (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quang C (T). Về quan hệ con chung, các con của chị và anh Trương Quang C đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết Về tài sản chung và nợ chị và anh Trương Quang C không có tài sản chung không có nợ người khác người khác không nợ anh chị và chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Trương Quang C (T) vắng đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trương Quang C (T). Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp E Biền A, xã Đ, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trương Quang C (T) nhưng anh Trương Quang C vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, tại phiên tòa hôm nay chị Huỳnh Thị N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trương Quang C (T) theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C (T) chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là một trong những nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 57, quyền số: 01 ngày 02 tháng 3 năm 2005, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Huỳnh Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quang C (T), quá trình chung sống chị và anh Trương Quang C đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa cự với nhau về vấn đề sinh hoạt gia đình, anh Trương Quang C nhiều lần nói chuyện xúc phạm chị Huỳnh Thị N, tính gia trưởng trong gia đình và không lắng nghe ý kiến của chị Huỳnh Thị N, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2026 đến nay; nhưng anh Trương Quang C cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn, không đồng ý hôn với chị Huỳnh Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án đã được hòa giải đoàn tụ nhưng chị Huỳnh Thị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quang C. Hội đồng xét xử thấy rằng, thời gian chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C chung sống với nhau thường xuyên cự cãi, anh Trương Quang C nhiều lần xúc phạm chị Huỳnh Thị N, dẫn đến anh chị sống ly thân, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau từ tháng 4 năm 2026 đến nay là một thời gian dài mà anh chị không có biện pháp hàn gắn, để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án đã được hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị Huỳnh Thị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trương Quang C là hôn nhân không tự nguyện. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N, cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Trương Quang C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C (T) có 02 người con chung tên: Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007, hiện nay các con của anh chị đã thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Trương Quang C (T).

2. Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Trương Thị Yến N1, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2005 và Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2007, hiện nay các con của anh chị đã thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Huỳnh Thị N và anh Trương Quang C tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 306442 (Ký hiệu: BLTU/26) ngày 8 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Chị Huỳnh Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 12 tháng 8 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- UBND xã Tân Lược, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVAVP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo